

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày 19-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Ông Đinh Quốc Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST, ngày 23/8/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/HSST-QĐ ngày 04/9/2017 đối với bị cáo:

TRỊNH VĂN C -sinh 1978 tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu B, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nghề nghiệp: Cán bộ UBND xã P; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 41/QĐ-UBKTHU, ngày 27/7/2017 của UBKT Huyện ủy C; con ông Trịnh Xuân T- sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Kim C- sinh năm 1980 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 094 do Công an huyện C lập ngày 23/5/2017; không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại: Anh Phạm Thái S- sinh năm 1984; cư trú tại: Khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Tiến Đ- sinh năm 1987; cư trú tại: Khu 03- xã T - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức Th- sinh năm 1995; cư trú tại: Khu G - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thu C- sinh năm 1986; Khu 03 - xã T - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản cáo trạng số 50/KSĐT, ngày 21/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã quyết định truy tố bị cáo Trịnh Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự, với các tình tiết phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/11/2016, Trịnh Văn C đến nhà anh Trần Bắc N - Sinh năm 1965 ở khu T, xã P để ăn cưới. Sau khi ăn cưới xong đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì C đi bộ sang quán bán nước nhà anh Lương Mạnh C- Sinh năm 1984 để uống nước. Tại đây, C nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter màu xanh, BKS 19G1- 072.27 để ở trước cổng nhà anh Hoàng Văn Đ- sinh năm 1982 ở khu T, xã P, xe có cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. Thấy vậy C đi lại gần chiếc xe, rút chìa khóa đang cắm ở ổ khóa điện ra rồi đúc vào túi quần C đang mặc với mục đích đợi lúc nào không có người để ý thì C sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Khi C đang ngồi uống nước ở quán nhà anh C, thì có anh Phạm Thái S - Sinh năm 1984 ở khu T 1 xã P (là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter, BKS 19G1 - 072.27) đi vào quán nước và hỏi mọi người trong quán có ai nhặt được chìa khóa xe mô tô của anh S không, nhưng không có ai trả lời. Do không có chìa khóa xe nên anh S đã mượn xe mô tô của bạn để đi về nhà. C ngồi đợi khoảng 30 phút thì thấy mọi người trong quán đã về gần hết và không ai để ý đến chiếc xe mô tô của anh S, nên C đi lại gần chiếc xe, dùng chìa khóa mà C đã lấy được trước đó cắm vào ổ khóa điện, nổ máy và điều khiển chiếc xe trên đi đến nhà bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1965 ở khu G, xã V (bà L là dì ruột của C), khi đến nơi C bảo với bà L cho gửi nhờ chiếc xe tại đây rồi C gọi xe taxi đi về nhà. Đến khoảng 15 giờ ngày 10/11/2016, C quay lại nhà bà L để lấy chiếc xe trên và điều khiển xe theo hướng đi từ xã V đi huyện T. Khi đi đến đầu cầu T giáp ranh với địa phận huyện T, Chiến dừng lại tháo BKS 19G1-072.27 của xe ra và ném xuống sông B, sau đó C điều khiển xe đi về nhà chị Trịnh Thị H ở khu B, xã P (là em gái của C đã mất) để cất giấu xe.

Trong khoảng thời gian cuối tháng 12/2016 đến đầu tháng 1/2017, anh Đào Duy H - Sinh năm 1989 ở cùng khu với C đến đưa cho C 01 giấy mua bán xe, 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter màu xanh, BKS 19G1-127.80 tên chủ xe là Hoàng Văn C ở xã Tạ Xá, huyện C để nhờ C xin xác

nhận của Công an xã T. Khi thấy chiếc xe mô tô trong giấy đăng ký xe mà anh H đưa cho C cùng loại với chiếc xe mô tô mà C đã trộm cắp được, nên C đã đến hiệu ảnh nhà anh Phan Hồng Đ – Sinh năm 1981 ở cùng khu, nhờ chụp lại giấy đăng ký xe của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter màu xanh, BKS 19G1 - 127.80 rồi ép plastic thành 01 giấy đăng ký xe giống như giấy đăng ký xe thật mà anh H đã đưa cho C. Sau đó, Chiến đi sang thị xã P nhờ 01 thanh niên (C không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) làm cho C 01 biển số xe mô tô giả BKS 19G1-127.80, để lắp vào chiếc xe mà C đã trộm cắp được ngày 08/11/2016. Để dễ dàng tiêu thụ được chiếc xe mô tô đã trộm cắp được, C mượn máy mài của anh H về mài toàn bộ số khung, số máy của xe mô tô sau đó C dùng 01 thanh kim loại màu đen dài 6cm, một đầu được mài nhọn, một đầu có tán hình tròn đường kính 2cm, ở phần nắp tán hình tròn có chữ F6 và 01 búa loại búa đinh, một đầu có gắn búa bằng kim loại được gắn vào cán búa làm bằng gỗ dài 28cm để đục lại số khung, số máy khác, trùng với số khung, số máy ghi trên giấy đăng ký xe mà C đã làm giả. Sau đó, C viết 01 giấy bán xe với nội dung là anh Hoàng Văn C đã bán cho C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter màu xanh, BKS 19G1-127.80 và mang giấy bán xe này đến UBND xã T xin xác nhận.

Sau đó, đến ngày 15/01/2017, C mang chiếc xe mô tô đã trộm cắp được đến gặp anh Nguyễn Tiến Đ - Sinh năm 1987 ở khu 3 xã T, huyện C. Sau khi xem xe và thấy xe có giấy tờ hợp pháp nên anh Đ đã mua chiếc xe mô tô trên với giá 15.000.000đ. Sau khi mua xe xong, anh Đ đã đưa chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Thu C – sinh năm 1986 (là chị gái của Đ) ở khu 3 xã T, huyện C sử dụng. Đến ngày 11/5/2017, chị C đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Đức Th - Sinh năm 1995 ở xã S với giá 25.000.000đ. Ngày 17/5/2017 anh Th mang chiếc xe trên đến Công an huyện C để làm thủ tục sang tên chủ xe, thì bị Công an huyện C phát hiện đăng ký xe là giả, số khung và số máy của xe đã bị đục nên đã tạm giữ chiếc xe mô tô và giấy tờ xe để điều tra. Quá trình điều tra đã làm rõ đối tượng trộm cắp chiếc xe mô tô của anh S là Trịnh Văn C và tại cơ quan điều tra C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã thu giữ : 01 thanh kim loại màu đen dài 6cm, một đầu được mài nhọn, một đầu có tán hình tròn đường kính 2cm, ở phần nắp tán hình tròn có chữ F6; 01 búa loại búa đinh, một đầu có gắn búa bằng kim loại được gắn vào cán búa làm bằng gỗ dài 28cm; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 013051 mang tên Hoàng Văn C, địa chỉ khu 10 xã T, huyện C, đăng ký lần đầu ngày 11/09/2013; 01 giấy bán xe ngày 11/05/2017 họ tên người bán Nguyễn Thị Thu C, nơi thường trú: xã T - C - Phú Thọ. Bán xe cho: Nguyễn

Đức Th ở S - C - Phú Thọ với số tiền 25.000.000đ; 01 giấy bán, cho, tặng xe có ghi tên chủ xe Hoàng Văn C ở khu 10 xã T – C - Phú Thọ bán, tặng xe cho Nguyễn Đức Th ở khu 7 xã S – C - Phú Thọ ngày 11/05/2017; 01 chứng minh thư nhân dân số 131488071 mang tên Trịnh Văn C do công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/09/2012; 01 giấy bán xe mô tô, họ tên người bán: Trịnh Văn C, địa chỉ khu 1, xã P - C bán cho Nguyễn Tiến Đ, địa chỉ khu 3 xã T - C ngày 15/01/2017; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter, BKS 19G1- 127.80.

Ngày 18/05/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với số máy, số khung và giấy đăng ký xe của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter BKS 19G1 - 127.80 mà cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 944/KLGD ngày 19/05/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: *Số máy, số khung bị tẩy xóa, sửa chữa; Không đọc được số nguyên thủy.*

Tại bản kết luận giám định số 945/KLGD ngày 19/05/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận : *Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 013051, Tên chủ xe Hoàng Văn C, địa chỉ khu 10- T - C - Phú Thọ đề cấp ngày 11/09/2013 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) là giả (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 013051 làm bằng phương pháp photocopy màu).*

Ngày 22/05/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện C đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter BKS 19G1- 127.80. Tại biên bản định giá tài sản ngày 22/05/2017 kết luận: “ *01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter BKS 19G1- 127.80 trị giá 26.700.000đ*”.

Về trách nhiệm dân sự : Ngày 22/05/2017 Trịnh Văn C đã bồi thường cho anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 15.000.000 (tiền anh Đ đã mua xe của C) và ngày 12/07/2017, C đã bồi thường cho anh Phạm Thái S số tiền 5.000.000đ (tiền để anh S sửa chữa và đăng ký lại xe mô tô). Anh Đ và anh S không đề nghị C phải bồi thường gì thêm.

Đến ngày 23/05/2015 chị Nguyễn Thị Thu C đã bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 25.000.000đ (tiền mà anh Th đã mua xe của chị C) và anh Th không đề nghị gì thêm.

Ngày 06/07/2017 anh Phạm Thái S có đơn xin nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter mà anh đã bị C trộm cắp ngày 08/11/2016. Đến

ngày 12/07/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh S. Anh S đã nhận lại tài sản và không đề nghị C phải bồi thường thêm gì.

Trong vụ án này bà Nguyễn Thị L- Sinh năm 1965 ở khu G, xã V là người đã cho C gửi nhờ xe sau khi trộm cắp được; anh Đào Duy H- Sinh năm 1989 ở khu B, xã P là người đã cho C mượn máy mài để C dùng để xóa số khung, số máy của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter ; anh Nguyễn Tiến Đ - Sinh năm 1987 ở khu 3 xã T là người đã mua chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter BKS 19G1- 127.80 của C. Khi cho gửi xe và cho mượn máy mài cũng như khi mua xe của C thì bà L, anh H, anh Đ không biết chiếc xe mô tô trên là do C trộm cắp mà có. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C không đề cập xử lý đối với bà L, anh H, anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter BKS 19G1- 127.80 là do C đã đến hiệu ảnh của anh Phan Hồng Đ- Sinh năm 1981 ở khu B, xã P, huyện C để chụp ảnh sau đó phô tô lại, ép thành giấy đăng ký xe giả. Quá trình điều tra anh Đ không thừa nhận việc đã làm giả giấy đăng ký xe trên cho C. Do vậy không đủ căn cứ để chứng minh việc anh Đ đã làm giả giấy đăng ký cho C như C đã khai.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn C từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Văn C.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự.

- + Xác nhận bị cáo Trịnh Văn C đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản (chi phí sửa chữa và đăng ký lại xe mô tô) cho người bị hại là anh Phạm Thái S 5.000.000đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Tiến Đ 15.000.000đồng.

- + Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu C đã hoàn trả tiền mua xe mô tô cho anh Nguyễn Đức T là 25.000.000đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm a, b, đ khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu đen dài 6cm, một đầu mài nhọn, một đầu có tán hình tròn đường kính 2cm, phần nắp tán hình tròn có chữ F6; 01 búa loại búa đinh, một đầu có gắn búa bằng kim loại được gắn vào cán búa làm bằng gỗ dài 28cm; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 013051 mang tên Hoàng Văn C, địa chỉ: khu 01 xã T, huyện C, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2013; 01 Giấy bán xe ngày 11/5/2017 giữa người bán xe là Nguyễn Thị Thu C, trú tại: xã T, huyện C và người mua xe là Nguyễn Đức T, trú tại: xã S, huyện C; 01 Giấy bán, cho, tặng xe ngày 11/5/2017 có ghi tên chủ xe là Hoàng Văn Căn ở khu 01, xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Đức T ở khu 07, xã S, huyện C; 01 Giấy bán xe mô tô ngày 15/01/2017 giữa người bán là Trịnh Văn C, địa chỉ: khu 01, xã P, huyện C và người mua là Nguyễn Tiến Đ, địa chỉ: khu 03, xã T, huyện C; 01 biển kiểm soát 19G1-127.80.

+ Xác nhận Cơ quan CSĐT- Công an huyện C đã trả lại cho anh Phạm Thái S 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter.

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn C 01 Giấy chứng minh nhân dân số 131488071 mang tên Trịnh Văn C do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/5/2017.

- Về án phí:

Áp dụng các khoản 1, 2 điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trịnh Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Văn C không có ý kiến tranh luận và trình bày lời nói sau cùng như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cam đoan không bao giờ tái phạm nữa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng

của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của bị cáo Trịnh Văn C tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Thái S phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị hại và vật chứng thu giữ được, nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 08/11/2016, tại khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo Trịnh Văn C đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển kiểm soát 19G1-072.27 của anh Phạm Thái S, trị giá 26.700.000đồng. Hành vi nêu trên của Trịnh Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Trịnh Văn C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

4. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự, tiền án. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước và quy định của địa phương nơi cư trú.

5. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, nhưng được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự là: bố đẻ bị cáo có công với cách mạng, được tặng huân chương kháng chiến hạng ba.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh chống, phòng ngừa chung tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức đủ để bị cáo tỉnh ngộ, sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 điều 31 của Bộ luật hình sự, thì người bị xử phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Kết quả xác minh của Cơ quan điều tra cho thấy bị cáo C hiện là cán bộ văn phòng UBND xã P, đang hưởng lương là

4.429.000đ/tháng. Do vậy, cần khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

6. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 138 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Theo kết quả xác minh của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo sống cùng với bố đẻ, không có tài sản riêng và để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành án xong nên không phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Văn C.

7. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Trịnh văn C đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản (chi phí sửa chữa và đăng ký lại xe mô tô) cho người bị hại là anh Phạm Thái S 5.000.000đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Tiến Đ 15.000.000đồng, cần xác nhận.

- Chị Nguyễn Thị Thu C đã hoàn trả cho anh Nguyễn Đức Th số tiền mua xe mô tô là 25.000.000đồng, cần xác nhận.

8. Về xử lý vật chứng:

- Thanh kim loại màu đen dài 06cm, búa đinh, Giấy đăng ký xe mô tô số 013051 mang tên Hoàng Văn C, 03 Giấy bán xe mô tô; 01 biển kiểm soát 19G1-127.80 đã thu giữ là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Thái S, nên Cơ quan điều tra giao trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật, cần xác nhận.

- Giấy chứng minh nhân dân số 131488071 đã thu giữ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trịnh Văn C, cần trả lại cho bị cáo C.

9. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 31 và Khoản 4 Điều 30 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn C 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan nơi bị cáo công tác nhận được

quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trịnh Văn C cho UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Khấu trừ của bị cáo Trịnh Văn C 05% thu nhập = 221.450đồng/tháng x 9 tháng = 1.993.050đ (Một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng) để sung quỹ nhà nước. Thời hạn nộp tiền một lần, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự.

2.1. Xác nhận bị cáo Trịnh Văn C đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản (chi phí sửa chữa và đăng ký lại xe mô tô) cho người bị hại là anh Phạm Thái S 5.000.000đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Tiến Đ 15.000.000đồng.

2.2. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu C đã hoàn trả tiền mua xe mô tô cho anh Nguyễn Đức T là 25.000.000đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm a, b, đ khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu đen dài 6cm, một đầu mài nhọn, một đầu có tán hình tròn đường kính 2cm, phần nắp tán hình tròn có chữ F6; 01 búa loại búa đinh, một đầu có gắn búa bằng kim loại được gắn vào cán búa làm bằng gỗ dài 28cm; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 013051 mang tên Hoàng Văn C, địa chỉ: khu 01 xã T, huyện C, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2013; 01 Giấy bán xe ngày 11/5/2017 giữa người bán xe là Nguyễn Thị Thu C, trú tại: xã T, huyện C và người mua xe là Nguyễn Đức Th, trú tại: xã S, huyện C; 01 Giấy bán, cho, tặng xe ngày 11/5/2017 có ghi tên chủ xe là Hoàng Văn C ở khu 01, xã T, huyện C bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Đức Th ở khu 07, xã S, huyện C; 01 Giấy bán xe mô tô ngày 15/01/2017 giữa người bán là Trịnh Văn C, địa chỉ: khu 01, xã P, huyện C và người mua là Nguyễn Tiến Đ, địa chỉ: khu 03, xã T, huyện C; 01 biển kiểm soát 19G1-127.80 (Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 22/8/2017).

3.2. Xác nhận Cơ quan CSĐT- Công an huyện C đã trả lại cho anh Phạm Thái S 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter (Theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/7/2017 trong hồ sơ vụ án).

3.3. Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn C 01 Giấy chứng minh nhân dân số 131488071 mang tên Trịnh Văn C do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/5/2017

(Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 22/8/2017).

4. Về án phí:

Áp dụng các khoản 1, 2 điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trịnh Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo Trịnh Văn C được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng